PHỤ LỤC 1

(Kèm theo công văn số /SGDĐT -GDTrH ngày của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc lấy ý kiến góp ý Dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách trong phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi; tuyển chọn, sử dụng, đãi ngộ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia, khu vực, quốc tế thành phố Hải Phòng)

DỰ TOÁN KINH PHÍ THEO DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH CHO GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH TRƯỜNG CHUYÊN

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung chi	Mức chi			Dự toán chi theo NQ mới			Số tiền tăng, giảm		
		NQ 22	NQ 06	NQ mới	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi	Trường THPT chuyên Trần Phú	Tổng chi	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi	Trường THPT chuyên Trần Phú	Tổng số tiền tăng, giảm
A	**CHI CHO GIÁO VIÊN, CHUYÊN GIA**									
I	**Giáo viên dạy môn chuyên tại lớp chuyên**	500/GV/tháng, mỗi lớp không quá 2 GV	30% theo mức lương hiện hưởng/tháng	30% theo mức lương hiện hưởng/tháng, mỗi lớp không quá 2 GV	1635426	1,350,000	2,985,426	1,374,426	216,000	1,590,426
II	**Giáo viên dạy môn chuyên đã nghỉ hưu có HS đạt giải**							0	0	
III	**Giảng dạy, bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi quốc gia**									
1	Mời chuyên gia	1000/tiết	1250/tiết	1250/tiết	750,000	750,000	1,500,000	-130,000	650,000	520,000

STT	Nội dung chi	Mức chi			Dự toán chi theo NQ mới			Số tiền tăng, giảm		
		NQ 22	NQ 06	NQ mới	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi	Trường THPT chuyên Trần Phú	Tổng chi	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi	Trường THPT chuyên Trần Phú	Tổng số tiền tăng, giảm
2	Giáo viên thuộc TP Hải Phòng	400/tiết	625/tiết	625/tiết	4,950,000	6,750,000	11,700,000	1,782,000	3,000,000	4,782,000
3	Giáo viên, nhân viên hỗ trợ trong tiết dạy thực hành	200/tiết	không có	300/tiết	540000	540,000	1,080,000	180,000	540,000	720,000
IV	**Giảng dạy, bồi dưỡng HS tham dự kỳ thi chọn đội tuyển dự thi khu vực, quốc tế**									
1	Mời chuyên gia	1250/tiết	2500/tiết	2500/tiết	700,000	700,000	1,400,000	400,000	300,000	700,000
2	Giáo viên thuộc TP Hải Phòng	500/tiết	1250/tiết	1250/tiết	1,500,000	3,500,000	5,000,000	900,000	2,900,000	3,800,000
3	Giáo viên, nhân viên hỗ trợ trong tiết dạy thực hành	250/tiết		300/tiết	60000	420,000	480,000	10,000	420,000	430,000
V	**Kinh phí đi lại, ăn, ở tập huấn trong nước của cán bộ quản lý, giáo viên do ngân sách thành phố chi theo quy định. Thành phố hỗ trợ thêm kinh phí ăn, ở, đi lại cho đoàn các đội tuyển tham gia kỳ thi quốc gia, quốc tế theo thực tế**	Theo hóa đơn thực tế	Theo hóa đơn thực tế	Theo hóa đơn thực tế	200000	547,159	747,159		0	
VI	**Thưởng giáo viên theo thành tích**									

STT	Nội dung chi	Mức chi			Dự toán chi theo NQ mới			Số tiền tăng, giảm		
		NQ 22	NQ 06	NQ mới	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi	Trường THPT chuyên Trần Phú	Tổng chi	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi	Trường THPT chuyên Trần Phú	Tổng số tiền tăng, giảm
1	Giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh đạt giải							0		
a	Nhất QG	90% mức thưởng của tổng số HS đạt giải	50% mức thưởng của tổng số HS đạt giải	60% mức thưởng của tổng số HS đạt giải	30,000	210,000	240,000	-15,000	35,000	20,000
b	Nhì QG				432,000	600,000	1,032,000	-54,000	100,000	46,000
c	Ba QG				936,000	666,000	1,602,000	0	111,000	111,000
d	Khuyến khích QG				312,000	420,000	732,000	78,000	70,000	148,000
e	Giải khu vực				180,000	0	180,000	45,000	0	45,000
g	Giải quốc tế					240,000	240,000		40,000	40,000
2	Tập thể giáo viên tham gia bồi dưỡng đội tuyển	Không có	20% mức thưởng của tổng số HS đạt giải	30% mức thưởng của tổng số HS đạt giải	567,000	640,800	1,207,800	567,000	284,800	851,800
3	Tập thể cán bộ quản lý	10% mức thưởng của tổng số HS đạt giải	10% mức thưởng của tổng số HS đạt giải	10% mức thưởng của tổng số HS đạt giải	273,000	277,680	550,680	69,000	64,080	133,080
TỔNG A					**11,615,426**	**19,061,639**	**30,677,065**	**5,322,426**	**8,730,880**	**14,053,306**
B	**CHI CHO HỌC SINH**									
I	**Cấp kinh phí hỗ trợ đối với học sinh đang học tại các trường trung học phổ thông chuyên**									
1	Hỗ trợ sinh hoạt phí cho HS ở xa	TP: 800/tháng Huyện: 1500/tháng	Các HS xa nhà được hỗ trợ tiền thuê nhà 2340/tháng	1500/tháng cho các HS (trừ 14 phường)	6,534,000	6,480,000	13,014,000	-4,294,600	162,000	-4,132,600

STT	Nội dung chi	Mức chi			Dự toán chi theo NQ mới			Số tiền tăng, giảm		
		NQ 22	NQ 06	NQ mới	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi	Trường THPT chuyên Trần Phú	Tổng chi	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi	Trường THPT chuyên Trần Phú	Tổng số tiền tăng, giảm
2	Hỗ trợ học sinh thuộc diện chính sách	không có	21060/năm	21060/năm	84,240	210,600	294,840	84,240	107,406	191,646
II	**Hỗ trợ cho học sinh trong thời gian tham gia tập huấn**									
1	Đội tuyển HSGQG	150/ngày x 90 ngày	120/ngày x 75 ngày	200/ngày x 90 ngày	1980000	2,430,000	4,410,000	495,000	876,440	1,371,440
2	Đội tuyển dự thi chọn đội tuyển Olympic khu vực, quốc tế	200/ngày x 50 ngày	150/ngày x 50 ngày	250/ngày x 50 ngày	50000	125,000	175,000	10,000	98,000	108,000
3	Hỗ trợ kinh phí khi học sinh tập huấn ngoài tỉnh/thành (cũ)	200/ngày x 5 ngày	không có	250/ngày x 5 ngày	137500	168,750	306,250	27,500	168,750	196,250
III	**Kinh phí đi lại, ăn ở, tập huấn trong nước của học sinh đội tuyển quốc gia**						0			0
IV	**Cấp học bổng**									
1	Loại đặc biệt - HS quốc tế x 5 tháng	20 lần mức HP/tháng	không có	25 lần mức HP/tháng	31,250	15,625	46,875	4,250	15,625	19,875
2	Loại 1 - được dự thi chọn đội tuyển HSGQG x 5 tháng	10 lần mức HP/tháng	không có	20 lần mức HP/tháng	25,000	125,000	150,000	11,500	125,000	136,500
3	Loại 2 - đạt giải HSGQG x 5 tháng	08 lần mức HP/tháng	không có	15 lần mức HP/tháng	909,375	1,031,250	1,940,625	407,175	1,031,250	1,438,425
4	Loại 3 - thành viên đội tuyển x 4 tháng	06 lần mức HP/tháng	không có	10 lần mức HP/tháng	550,000	675,000	1,225,000	193,600	675,000	868,600

STT	Nội dung chi	Mức chi			Dự toán chi theo NQ mới			Số tiền tăng, giảm		
		NQ 22	NQ 06	NQ mới	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi	Trường THPT chuyên Trần Phú	Tổng chi	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi	Trường THPT chuyên Trần Phú	Tổng số tiền tăng, giảm
5	Loại 4 - đạt điều kiện cần theo NĐ 84 x 9 tháng	03 lần mức HP/tháng	Bằng 03 lần mức HP	03 lần mức HP/tháng	3,516,750	5,923,125	9,439,875	3,176,550	-658,125	2,518,425
6	% được hưởng học bổng	30%	100%	100%						
V	**Thưởng HS theo thành tích**							0	0	
1	Giải Nhất QG	50,000	50,000	50,000	50,000	350,000	400,000	0	0	0
2	Giải Nhì QG	30,000	30,000	30,000	720,000	750,000	1,470,000	180,000	0	180,000
3	Giải Ba QG	20,000	20,000	20,000	1,560,000	740,000	2,300,000	520,000	0	520,000
4	Giải Khuyến khích QG	10,000	10,000	10,000	520,000	350,000	870,000	260,000	0	260,000
5	HCV Khu vực	150,000	300,000	300,000	300,000	0	300,000	150,000	0	150,000
6	HCB Khu vực	100,000	200,000	200,000		0	0		0	0
7	HCĐ Khu vực	50,000	100,000	100,000		0	0		0	0
8	Bằng khen Khu vực	30,000	50,000	50,000		0	0		0	0
9	HCV Quốc tế	300,000	500,000	500,000		0	0		0	0
10	HCB Quốc tế	250,000	400,000	400,000		400000	400,000		0	0
11	HCĐ Quốc tế	200,000	300,000	300,000		0	0		0	0
12	Bằng khen Quốc tế	100,000	100,000	100,000		0	0		0	0
TỔNG B					**16,968,115**	**19,774,350**	**36,742,465**	**1,225,215**	**2,601,346**	**3,826,561**
TỔNG A+B					**28,583,541**	**38,835,989**	**67,419,530**	**6,547,641**	**11,332,226**	**17,879,867**